

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TP.HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC, TRỰC THUỘC CÁC ĐƠN VỊ ĐO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI TỪ 05 NĂM THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(từ ngày 21 tháng 9 năm 2025 đến ngày 02 tháng 11 năm 2025)
(ban hành kèm theo Thông tư số 34/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Mã số BHXH	Số Quyết định	Ngày Quyết định	Thời điểm hưởng	Thời điểm nghỉ hưu theo ND 135/2020/ND-CP	Thời gian nghỉ trước tuổi		Thời gian nghỉ hưu trước tuổi từ đủ 5 năm (tháng)	Mức lương đóng BHXH tháng hiện hưởng trước khi nghỉ hưu					Số tiền NSNN đảm bảo tương đương số tiền đóng BHXH vào quỹ hưu trí, từ tuổi: (đồng) (Lương cơ sở/Mức tham chiếu được căn cứ tại tháng liền kề trước tháng hưởng lương hưu)
				Nam	Nữ						Năm	Tháng		Hệ số lương (hoặc số mức tiền)	Phụ cấp chức vụ	PC vượt khung	PC thâm niên nghề	HS bảo lưu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14 = 12*12+13-59	15	16	17	18	19	20 = 22%*14*(15+16+17+18+19)*LCS
1.1 Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động - Cấp Sở ngành																			
1	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Tiến Đức	09/02/1972		0300006508	7900HT01024	22/09/2025	09/2025	3/2034	8	6	43	3.33			8%		79,611,349
2	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Ngọc Đức	04/12/1971		0204006823	7900HT01030	22/09/2025	09/2025	1/2034	8	4	41	7,900,000					71,258,000
3	HZ0016Z	Sở Văn Hóa Và Thể Thao Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thanh Phong	01/01/1970		9102018539	7900HT01033	09/2025	09/2025	2/2032	6	5	18	5.08	0.8				54,486,432
4	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Xuân Mai		03/06/1973	0201153674	7900HT01034	22/09/2025	09/2025	7/2032	6	10	23	3.33					39,428,532
5	HZ0226Z	Trung tâm Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thanh Lê		16/02/1975	0200131967	7900HT01036	22/09/2025	09/2025	11/2034	9	2	51	3					87,428,484
6	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Ngô An Đoàn	18/11/1969		7908435710	7900HT01038	22/09/2025	09/2025	12/2031	6	3	16	4			8%		32,558,423
7	DZ0034Z	Văn Phòng Thành ủy TP.Hồ Chí Minh	Trịnh Đức Trung	29/07/1969		0203147234	7900HT01041	22/09/2025	09/2025	8/2031	5	11	12	7,555,680					19,946,995
8	DZ0034Z	Văn Phòng Thành ủy TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Hữu Phương	06/03/1970		0297111686	7900HT01042	22/09/2025	09/2025	4/2032	6	7	20	8,070,840					35,511,696
9	DZ0034Z	Văn Phòng Thành ủy TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Kim Long	15/10/1968		0296142155	7900HT01044	22/09/2025	09/2025	11/2030	5	2	3	7,307,640					4,823,042
10	HZ0002Z	Sở Công Thương TP. HCM	Đinh Thanh Liêm	19/08/1969		5103001579	7900HT01048	22/09/2025	09/2025	9/2031	6	0	13	5.76	0.4				41,225,184
11	DZ0034Z	Văn Phòng Thành ủy TP.Hồ Chí Minh	Phạm Văn Tấn	05/05/1969		0203147223	7900HT01049	22/09/2025	09/2025	6/2031	5	9	10	6,890,000					15,158,000
12	DZ0034Z	Văn Phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh	Lưu Thị Kim Trang		16/04/1975	0201112875	7900HT01051	22/09/2025	09/2025	1/2035	9	4	53	6,360,000					74,157,600
13	DZ0039Z	Ban Tổ Chức Thành ủy, TP.Hồ Chí Minh	Trần Thị Tuyết Mai		01/09/1975	0202015412	7900HT01087	24/09/2025	10/2025	10/2035	10	0	61	5.42	0.4				182,764,296
14	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hữu Bửu Sơn	20/10/1970		0203148260	7900HT01100	24/09/2025	09/2025	11/2032	7	2	27	3.33					46,285,668
15	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Vũ Đình Hưng	26/11/1969		0299083314	7900HT01101	24/09/2025	09/2025	12/2031	6	3	16	4.98					41,019,264
16	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Hoàng Xuân Vũ	06/04/1973		0202085708	7900HT01120	25/09/2025	09/2025	5/2035	9	8	57	3					98,007,624
17	HZ0233Z	Trung tâm Văn hóa và Triển lãm Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thanh Thủy		17/04/1974	0203104443	7900HT01123	26/09/2025	09/2025	9/2033	8	0	37	4.65	0.25				93,333,240
18	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Vũ Việt Thịnh	26/12/1969		0297040816	7900HT01124	26/09/2025	09/2025	1/2032	6	4	17	3.65					31,943,340
19	DZ0008Z	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Việt Hà		23/07/1974	0203323549	7900HT01125	26/09/2025	09/2025	12/2033	8	3	40	5	0.4				103,989,600
20	HZ0002Z	Sở Công Thương TP.HCM	Nguyễn Thanh Sơn	08/02/1973		0297155454	7900HT01129	26/09/2025	09/2025	3/2035	9	6	55	4.65	0.4				142,985,700
21	HZ0171Z	Sở Y Tế, TP.Hồ Chí Minh	Lê Thị Tuyết Chinh		03/03/1975	5107008317	7900HT01132	26/09/2025	09/2025	12/2034	9	3	52	4					97,976,736
22	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Lũ	03/05/1970		0203011929	7900HT01133	26/09/2025	09/2025	6/2032	6	9	22	4.32			8%		52,840,719
23	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Chí Ngọc	01/05/1973		0204191973	7900HT01135	26/09/2025	09/2025	6/2035	9	9	58	4.32			14%		147,046,648
24	HZ0043Z	VP Đoàn Đại Biểu Quốc Hội & HĐND TP	Nguyễn Thị Thanh Vân		24/05/1974	0200115354	7900HT01142	26/09/2025	09/2025	10/2033	8	1	38	6.20	1				140,849,280
25	HZ0007Z	Sở Nội vụ TP. HCM	Lê Thị Quý Tâm		21/01/1975	9198015447	7900HT01145	26/09/2025	09/2025	10/2034	9	1	50	5.08					130,759,200
26	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Mạc Thị Tuyết Thanh		19/06/1973	0203066212	7900HT01157	26/09/2025	09/2025	7/2032	6	10	23	4.32					51,150,528
27	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Thạch	03/11/1969		0203258306	7900HT01159	26/09/2025	09/2025	12/2031	6	3	16	3.66					30,146,688
28	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Hà Lê Băng Tiên		10/04/1974	0203258309	7900HT01166	26/09/2025	09/2025	9/2033	8	0	37	4.65			7%		94,771,334
29	HZ0004Z	Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản - Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Thanh Thủy		13/09/1973	0200061968	7900HT01168	26/09/2025	09/2025	10/2032	7	1	26	4.06			11%		60,319,940
30	DZ0014Z	Học viện Cán bộ TP.Hồ Chí Minh	Đỗ Thị Ngọc Diễm		16/07/1972	7909308456	7900HT01172	27/09/2025	09/2025	12/2030	5	3	4	4.40	0.4				9,884,160
31	HZ0457Z	Ban Quản lý Phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Minh Chí	03/07/1972		0298081653	7900HT01174	27/09/2025	08/2025	8/2034	9	0	49	3.99					100,648,548
32	DZ0034Z	Văn Phòng Thành ủy TP.Hồ Chí Minh	Thiệu Quang Tuyền	15/10/1968		4396001294	7900HT01175	27/09/2025	09/2025	11/2030	5	2	3	4.06			14%		7,148,101
33	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Thanh Hải	15/10/1970		0200060877	7900HT01182	27/09/2025	09/2025	11/2032	7	2	27	4.65			8%		69,803,791
34	HZ0007Z	Sở Nội vụ TP. HCM	Nguyễn Thị Ngọc Nữ		16/01/1975	0203196117	7900HT01197	27/09/2025	09/2025	10/2034	9	1	50	7,000,000					77,000,000
35	HZ0002Z	Sở Công Thương TP.HCM	Lê Hồng Thanh	08/03/1973		9811264641	7900HT01198	27/09/2025	09/2025	4/2035	9	7	56	4.98			7%		153,617,144
36	HZ0007Z	Sở Nội vụ TP. HCM	Trần Xuân Phát	03/12/1969		5196000473	7900HT01201	28/09/2025	09/2025	1/2032	6	4	17	8,500,000					31,790,000
37	DZ0012Z	Trung Tâm Dịch Vụ Việc Làm Thanh Niên TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Sang	14/06/1969		0297073464	7900HT01218	29/09/2025	09/2025	7/2031	5	10	11	4.98	0.4	7%			32,439,916
38	HZ0171Z	Sở Y tế TP. HCM	Đổng Văn Ngọc	03/03/1969		0202161053	7900HT01220	29/09/2025	09/2025	4/2031	5	7	8	4.65					19,150,560
39	DZ0008Z	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ Tấn Mỹ Dung		18/11/1973	0200138344	7900HT01221	29/09/2025	09/2025	12/2032	7	3	28	5	0.65				87,495,408
40	HZ0226Z	Trung tâm Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Dương Việt Quốc Huy	25/12/1970		0203197341	7900HT01237	29/09/2025	09/2025	1/2033	7	4	29	5.08					75,840,336
41	HZ0007Z	Sở Nội vụ TP. HCM	Nguyễn Ngọc Hằng		25/07/1973	9100047930	7900HT01250	30/09/2025	09/2025	8/2032	6	11	24	6.10	0.8				85,250,880
42	HZ0171Z	Sở Y tế TP. HCM	Phạm Lê Ngọc Trân	05/08/1975		5196033812	7900HT01254	30/09/2025	09/2025	9/2035	10	0	61	4.98					156,385,944
43	DZ0034Z	Văn Phòng Thành ủy TP.Hồ Chí Minh	Trần Thị Hồng Nguyễn		02/06/1975	0297111695	7900HT01261	02/10/2025	09/2025	7/2035	9	10	59	6,360,000					82,552,800
44	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Trung Tâm	20/01/1971		0204107863	7900HT01266	02/10/2025	09/2025	2/2033	7	5	30	4			10%		67,783,716
45	DZ0143Z	Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố Hồ Chí Minh	Võ Thị Kim Chi		28/05/1974	0200066844	7900HT01272	02/10/2025	09/2025	10/2033	8	1	38	5.08				0.25	104,267,592
46	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Tài Đức	12/09/1969		0201071271	7900HT01305	03/10/2025	09/2025	10/2031	6	1	14	4.98			5%	10%	43,437,074
47	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thăng Lợi	01/10/1972		0207060624	7900HT01308	03/10/2025	09/2025	11/2034	9	2	51	3.00					78,764,400
48	DZ0008Z	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh	Võ Thị Bạch Yến		11/01/1973	9102017112	7900HT01362	06/10/2025	09/2025	10/2031	6	1	14	5	0.9				45,549,504
49	DZ0022Z	Hội Nông dân Thành phố - Ủy ban MMTQ Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Long	19/06/1971		0298092529	7900HT01369	07/10/2025	09/2025	7/2033	7	10	35	4.32					77,837,760
50	DZ0034Z	Văn Phòng Thành ủy TP.Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Mai Hoa		29/01/1975	0204220222	7900HT01397	07/10/2025	09/2025	10/2034	9	1	50	4.32					111,196,800
51	HZ0226Z	Trung tâm Nghệ thuật																	

59	HW0202Z	Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp TP. HCM	Nguyễn Thị Bích Hiền		17/09/1972	0203031575	7900HT01623	15/10/2025	07/2025	6/2031	5	11	12	4.40	0.6				30,888,000
60	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh Tương	04/02/1970		4098052611	7900HT01642	16/10/2025	09/2025	3/2032	6	6	19	4.98				48,710,376	
61	HZ0252Z	Ban Đối Mối Quan Lý Doanh Nghiệp Thành phố	Nguyễn Thanh Lương	21/10/1969		0201113468	7900HT01652	16/10/2025	07/2025	11/2031	6	4	17	4.98	0.6	10%		53,192,225	
62	HZ0455Z	Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Mỹ Linh		20/11/1972	9198016627	7900HT01656	16/10/2025	09/2025	8/2031	5	11	12	5.42	0.5			36,571,392	
63	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Vân Chí Dũng	19/06/1972		0296304514	7900HT01674	17/10/2025	09/2025	7/2034	8	10	47	4.98		5%		126,518,792	
64	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Bùi Thị Ngọc Thanh		24/10/1974	0200072167	7900HT01676	17/10/2025	09/2025	7/2034	8	10	47	5				120,494,088	
65	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Lâm Hưng	14/09/1972		0296304397	7900HT01677	17/10/2025	09/2025	10/2034	9	1	50	4.98		6%		135,876,312	
66	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Nguyễn Văn Tâm	21/12/1972		0297146611	7900HT01679	17/10/2025	09/2025	1/2035	9	4	53	4.98	0.4			146,790,072	
67	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Phạm Phú Cường	31/10/1971		0206097027	7900HT01681	17/10/2025	09/2025	11/2033	8	2	39	2.34				46,980,648	
68	HZ0111Z	Trung tâm Khuyến Nông TP. HCM	Trần Thị Bạch Cúc		22/11/1973	0203188913	7900HT01683	17/10/2025	09/2025	12/2032	7	3	28	6,080,000				37,452,800	
69	HZ0111Z	Trung tâm Khuyến Nông TP. HCM	Vũ Hồng Trường	25/01/1969		0202208625	7900HT01684	17/10/2025	09/2025	2/2031	5	5	6	4.65				14,362,920	
70	HZ0213Z	Văn phòng - Thanh Tra TP. HCM	Dương Đức Tĩnh	23/02/1970		0296170564	7900HT01702	18/10/2025	09/2025	3/2032	6	6	19	7,000,000				29,260,000	
71	HZ0457Z	Ban Quản lý Phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Cao Đức Tánh	02/07/1969		0200097059	7900HT01708	20/10/2025	08/2025	8/2031	6	0	13	5,574,000				15,941,640	
72	HZ0071Z	Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Trịnh Minh Chính	27/10/1971		0201054381	7900HT01710	20/10/2025	09/2025	11/2033	8	2	39	4.98	0.4			108,015,336	
73	DZ0144Z	Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố	Đoàn Thị Hằng Nga		08/03/1974	5598022108	7900HT01737	21/10/2025	09/2025	8/2033	7	11	36	5.42	0.25			105,080,976	
74	HZ0455Z	Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Trọng Thảo	24/05/1971		0296119967	7900HT01738	21/10/2025	09/2025	6/2033	7	9	34	4.98		9%		95,010,870	
75	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Vương Hải Vĩnh	15/10/1969		0296324026	7900HT01768	21/10/2025	09/2025	11/2031	6	2	15	4.98		7%		41,147,449	
76	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Ngô Thành Sang	18/09/1969		0200072166	7900HT01770	21/10/2025	09/2025	10/2031	6	1	14	4.98				35,891,856	
77	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Nguyễn Kim Phương	16/05/1969		0296304357	7900HT01774	21/10/2025	09/2025	6/2031	5	9	10	4.98		8%		27,688,003	
78	DZ0040Z	Trường Đoàn Lý Tự Trọng	Nguyễn Trọng Tiến	10/06/1969		0299116904	7900HT01778	21/10/2025	09/2025	7/2031	5	10	11	4.98	0.35		26%	38,030,232	
79	HZ0298Z	Cơ sở cai nghiện ma túy Đức Hạnh	Trần Văn Phi Châu	20/10/1970		0202138848	7900HT01781	21/10/2025	06/2025	11/2032	7	5	30	4.32				66,718,080	
80	HZ0071Z	Đài Tiếng Nói Nhân Dân TP. HCM	Dương Thị Anh Đào		10/10/1974	0200072172	7900HT01789	21/10/2025	09/2025	7/2034	8	10	47	4.98	0.4			130,172,328	
81	HZ0238Z	Chi Cục Thủy lợi, TP. Hồ Chí Minh	Trần Thị Tú Trinh		04/03/1975	7709013013	7900HT01813	22/10/2025	09/2025	12/2034	9	3	52	4				106,810,704	
82	HZ0093Z	Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Hà Thị Thái Lan		04/02/1974	0296081992	7900HT01822	24/10/2025	09/2025	7/2033	7	10	35	5				89,729,640	
83	HZ0309Z	Cơ sở cai nghiện ma túy Bó Lá	Lê Quang Hạnh	03/03/1970		0207431360	7900HT01829	26/10/2025	07/2025	4/2032	6	9	22	4				41,451,696	
84	DZ0053Z	Liên Minh Hợp Tác Xã TP. HCM	Lê Thị Kim		01/06/1972	1598001438	7900HT01836	27/10/2025	09/2025	11/2030	5	2	3	4				6,162,156	
85	HZ0093Z	Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Đinh Vũ Thu Hằng		08/07/1975	0200086662	7900HT01837	27/10/2025	09/2025	8/2035	9	11	60	4.65				143,629,200	
86	HZ0093Z	Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Trương Hồng Quang	15/05/1970		0296072613	7900HT01863	28/10/2025	09/2025	6/2032	6	9	22	3.99				45,189,144	
87	HZ0093Z	Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Quốc Hưng	20/09/1971		5104003832	7900HT01865	28/10/2025	09/2025	10/2033	8	1	38	4.65				90,965,160	
88	HZ0014Z	Liên hiệp các tổ chức Hữu Nghị TP. Hồ Chí Minh	La Minh Tuấn	27/04/1969		0296035615	7900HT01869	28/10/2025	09/2025	5/2031	5	8	9	4.98	0.4	5%		26,080,283	
89	HZ0093Z	Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Tân Dũng	12/10/1970		0205084005	7900HT01874	28/10/2025	09/2025	11/2032	7	2	27	3.33				46,285,668	
90	HZ0093Z	Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Phong	10/05/1972		4704016719	7900HT01885	28/10/2025	09/2025	6/2034	8	9	46	7,000,000				70,840,000	
91	NO20000	Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Nghĩa (cũ)	Nguyễn Thị Đông Sương		03/03/1973	0205064372	7900HT01925	30/10/2025	06/2025	12/2031	6	6	19	2.46				24,061,752	
92	HZ0093Z	Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Thiệt	21/07/1971		0296298797	7900HT01930	31/10/2025	09/2025	8/2033	7	11	36	7,000,000				55,440,000	
93	HZ0004Z	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Lê Ngọc Ân	13/06/1969		0205246749	7900HT01950	31/10/2025	09/2025	7/2031	5	10	11	3				18,857,124	
94	HW0006A	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Vũ Minh Trung	24/12/1970		0298003027	7901HT00210	22/09/2025	09/2025	1/2033	7	4	29	4.06		10%		66,673,807	
95	HW0006A	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Minh Tuấn	22/04/1969		0296136331	7901HT00230	22/09/2025	09/2025	5/2031	5	8	9	4		12%		21,068,087	
96	HW0006A	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Thị Bích Ngọc		24/05/1973	0207276545	7901HT00232	22/09/2025	09/2025	6/2032	6	9	22	4.98				45,189,144	
97	HW0006A	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Quốc Hùng	16/06/1969		0296136450	7901HT00237	23/09/2025	09/2025	7/2031	5	10	11	4.06		15%		26,439,613	
98	HW0006A	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Lại Phú Vĩnh	14/12/1970		0298003029	7901HT00253	29/09/2025	09/2025	1/2033	7	4	29	4.06		9%		66,067,682	
99	HW0006A	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Mạnh Hùng	05/07/1972		0207247005	7901HT00263	02/10/2025	09/2025	8/2034	8	11	48	3.26				80,555,904	
100	HW0006A	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Văn Hùng	28/05/1972		0296136332	7901HT00271	06/10/2025	09/2025	6/2034	8	9	46	4.06		12%		107,681,334	
101	HW0006A	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Nghĩa	10/03/1973		0205090259	7901HT00311	20/10/2025	09/2025	4/2035	9	7	56	3.86				111,279,168	
102	HX0044X	TRUNG TÂM ĐÀY NGHE VÀ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TP. HCM	Nguyễn Hữu Tinh	19/08/1968		0299062677	7902HT00239	22/10/2025	08/2025	9/2030	5	1	2	4.06	0.4	8%		4,926,430	
103	SU0127U	Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Thủ Đức	Trương Anh	17/04/1969		0298045274	7903HT00343	22/09/2025	07/2025	5/2031	5	10	11	4.65	0.25			27,747,720	
104	SU0127U	Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Thủ Đức	Bùi Thị Trà Lý		26/03/1972	0299017784	7903HT00345	22/09/2025	07/2025	8/2030	5	1	2	4.65				4,787,640	
105	HU0050U	UBND Thành phố Thủ Đức	Nguyễn Anh Dũng	10/10/1971		7909300158	7903HT00368	24/09/2025	07/2025	11/2033	8	4	41	4,960,000				44,739,200	
106	HN0047N	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư TP. Hồ Chí Minh	Đặng Quý Cường	24/09/1970		0299011794	7909HT00083	27/09/2025	09/2025	10/2032	7	1	26	5	0.25	6%		74,001,882	
107	HN0047N	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư TP. Hồ Chí Minh	Vũ Đình Hiền	23/02/1970		0200061200	7909HT00087	27/09/2025	09/2025	3/2032	6	6	19	4.65	0.6			51,351,300	
108	HN0047N	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư TP. Hồ Chí Minh	Trần Thị Thủy Trang		02/09/1972	0299048754	7909HT00099	30/09/2025	09/2025	6/2031	5	9	10	4.65	0.25			25,225,200	
109	HK0057K	TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU THỂ DỤC THỂ THAO TP. HCM	Trần Nguyễn Trí Dũng	27/09/1969		0296245689	7913HT00147	02/10/2025	09/2025	10/2031	6	1	14	3.66				26,378,352	
110	HE0080E	Chi cục Kiểm Lâm TP. HCM	Nguyễn Xuân Cường	07/11/1969		0298059867	7915HT00018	08/10/2025	09/2025	12/2031	6	3	16	6.44	0.4		27%	71,551,434	
111	HE0079E	Cơ Sở Cai Nghiệm Ma Túy Số 2	Dương Thị Tuyết		12/07/1972	0201145609	7915HT00023	13/10/2025	06/2025	12/2030	5	6	7	3.06				11,027,016	
112	HE0086E	Cơ Sở Cai Nghiệm Ma Túy Số 1	Nguyễn Văn Cương	30/04/1972		0296081041	7915HT00187	25/09/2025	06/2025	5/2034	8	11	48	4.06				100,324,224	
113	DY0004Y	Hội Chữ Thập Đỏ Quận Bình Tân	Nguyễn Xuân Vinh	02/07/1968		0203152339	7918HT00193	14/10/2025	07/2025	8/2030	5	1	2	4.98	0.25			5,384,808	
114	SS0084S	Cơ sở cai nghiện ma túy Nhi Xuân	Phạm Xuân Huy	16/08/1969		7915073749	7921HT00119	03/10/2025	06/2025	9/2031	6	3	16	3.00				24,710,400	
115	HZ0309Z	Cơ sở cai nghiện ma túy Bó Lá	Lê Thị Hòa		20/10/1974	9107024623	7931HT00043	15/10/2025	07/2025	7/2034	9	0	49	2.26				57,008,952	
116	HZ0098Z	Bảo Bình Dương	Đinh Thị Thu Hiền		02/06/1974	4396015159	7932HT00262	23/09/2025	09/2025	11/2033	8	2	39	3.99				80,108,028	
117	HZ0098Z	Bảo Bình Dương	Đặng Văn Hoàn	10/11/1968		9198014295	7932HT00263	23/09/2025	09/2025	12/2030	5	3	4	8,379,920.00				7,374,330	
118	HZ0098Z	Bảo Bình Dương	Trần Văn Thắng	16/04/1969		9101054568	7932HT00264	23/09/2025	09/2025	5/2031	5	8	9	7,440,000.00				14,731,200	
119	HZ0062Z	Chi cục kiểm lâm tỉnh Bình Dương	Nguyễn Hữu Vinh	18/08/1972		7410253985	7932HT00273	25/09/2025	09/2025	9/2034	9	0	49	7,113,000.00				76,678,140	
120	HZ0098Z	Bảo Bình Dương	Trần Thị Quỳnh Như		04/08/1973	9196034412	7932HT00286	30/09/2025	09/2025	9/2032	7	0	25	4.65				59,845,500	
121	HZ0098Z	Bảo Bình Dương	Huỳnh Minh Dân	02/08/1973		9102030225	7932HT00287	30/09/2025	09/2025	9/2035	10	0	61	5	0.7			181,508,184	
122	HZ0055Z	Nhà thiếu nhi tỉnh Bình Dương	Võ Hà Thiên Phương		01/01/1975	9198015424	7932HT00289	30/09/2025	09/2025	10/2034	9	1	50	4.98	0.1			130,759,200	
123	HG0096G	Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương	Lê Thị Hồng Phìn		05/08/1973	9298000379	7933HT00085	17/10/2025	09/2025	9/2032	7	0	25	5.08	0.5				

133	HB0112B	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Lê Thị Thu Hằng		12/02/1974	5196001498	7709HT0016	13/10/2025	09/2025	7/2033	7	10	35	4.65	0.2			87,387,300	
134	HZ0078Z	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Thị Thủy Hương		02/06/1973	5199002491	7709HT0029	16/10/2025	09/2025	7/2032	6	10	23	5.76	0.5			74,120,904	
135	HB0112B	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Đoàn Vi Hùng	15/03/1971		7709012454	7709HT0033	16/10/2025	09/2025	4/2033	7	7	32	4,900,000.00				34,496,000	
136	HZ0166Z	Chi cục Chăn nuôi và Trồng trọt tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Phan Văn Trai	20/03/1972		5102003044	7709HT0040	20/10/2025	09/2025	4/2034	8	7	44	5	0.3			112,123,440	
137	HZ0166Z	Chi cục Chăn nuôi và Trồng trọt tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Lê Văn Hải	23/08/1970		5107000801	7709HT0062	27/10/2025	09/2025	9/2032	7	0	25	3.66		0.3		50,965,200	
138	HZ0149Z	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Thái Hưng	15/02/1973		5105010281	7709HT0066	27/10/2025	09/2025	3/2035	9	6	55	4	0.6			129,961,260	
139	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Lương Minh Châu	15/09/1968		5102005293	7709HT0076	30/10/2025	09/2025	10/2030	5	1	2	4.98	0.4			5,539,248	
140	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Võ Thị Mỹ Hạnh		08/11/1973	5102005296	7709HT0077	30/10/2025	09/2025	12/2032	7	3	28	4.65				67,026,960	
141	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Trần Văn Tâm	28/03/1972		5101002575	7709HT0079	30/10/2025	09/2025	4/2034	8	7	44	4.03		5%		95,848,553	
142	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Lưu Thanh Phong	04/09/1972		5101002612	7709HT0080	30/10/2025	09/2025	10/2034	9	1	50	4.98	0.3	7%		144,880,164	
143	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Lê Minh Trung	19/12/1968		5101002580	7709HT0081	30/10/2025	09/2025	1/2031	5	4	5	4		12%		11,704,493	
144	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Thị Kim Loan		31/08/1975	5105000390	7709HT0082	30/10/2025	09/2025	9/2035	10	0	61	4.32	0.3			145,080,936	
145	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Văn Dũng	15/11/1970		5102005282	7709HT0083	30/10/2025	09/2025	12/2032	7	3	28	4.06		9%		63,789,486	
146	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Thu Hà		08/05/1975	5101002615	7709HT0084	30/10/2025	09/2025	6/2035	9	9	58	4.98	0.3			157,652,352	
147	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Đỗ Minh Quang	02/11/1972		5102005283	7709HT0085	30/10/2025	09/2025	12/2034	9	3	52	4.06		9%		118,466,188	
148	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Trần Văn Mạnh	25/05/1971		5102005290	7709HT0086	30/10/2025	09/2025	6/2033	7	9	34	4		9%		77,458,661	
149	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Lê Dân Hùng	01/05/1970		5101002581	7709HT0087	30/10/2025	09/2025	6/2032	6	9	22	4.98				56,401,488	
150	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Bùi Thu Phương Hồng		28/02/1975	5102005278	7709HT0092	30/10/2025	09/2025	11/2034	9	2	51	4.98				130,748,904	
151	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Trần Văn Quý	25/10/1968		5102005286	7709HT0094	30/10/2025	09/2025	11/2030	5	2	3	4.65				7,181,460	
152	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Thành Khoa	14/10/1972		5102005285	7709HT0097	31/10/2025	09/2025	11/2034	9	2	51	4.98				130,748,904	
153	HZ0002Z	Đài phát thanh và Truyền hình Bà Rịa - Vũng Tàu	Ngô Thanh Tuyền	21/10/1969		5101002569	7709HT0098	31/10/2025	09/2025	11/2031	6	2	15	4.06		13%		35,426,992	
1.2 Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động - Cấp quận huyện (cũ)																			
154	HX0019X	Phòng Nội Vụ Quận 12	Trương Thanh Tú	18/08/1972		0299021526	7902HT00153	26/09/2025	06/2025	9/2034	9	3	52	4.32	0.25			122,337,072	
155	HO0006O	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin Quận Tân Bình	Lê Minh Trí	07/12/1968		0201040659	7907HT00255	13/10/2025	07/2025	1/2031	5	6	7	4.98				17,945,928	
156	HJ0001J	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 10	Phạm Thị Tuyết		08/03/1973	0200060902	7912HT00149	25/09/2025	06/2025	12/2031	6	6	19	4.65				45,482,580	
157	HJ0001J	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 10	Lê Hoàng Minh	24/06/1971		0200060999	7912HT00159	26/09/2025	06/2025	7/2033	8	1	38	4.65				90,965,160	
158	HH0073H	Hội Chữ Thập Đỏ Quận 8	Nguyễn Ninh Tâm	11/12/1969		0205010051	7917HT00148	23/09/2025	07/2025	1/2032	6	6	19	3.99				39,026,988	
159	HH0057H	Phòng Giáo Dục và Đào Tạo Quận 8	Huỳnh Hiếu Trí	18/08/1969		0296042264	7917HT00184	09/10/2025	07/2025	9/2031	6	2	15	4.98		6%		40,762,894	
160	HY0002Y	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Quận Bình Tân	Võ Thanh Lâm	01/12/1968		0200022896	7918HT00161	08/10/2025	07/2025	1/2031	5	6	7	2.86				10,306,296	
161	HY0024Y	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin Quận Bình Tân	Trần Thanh Tùng	19/04/1973		0207359852	7918HT00163	08/10/2025	07/2025	5/2035	9	10	59	3.66				111,165,912	
162	HY0002Y	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Quận Bình Tân	Võ Thanh Sơn	02/02/1972		0296093091	7918HT00189	13/10/2025	07/2025	3/2034	8	8	45	4.98	0.2	6%		126,921,881	
163	HQ0002Q	Phòng Kinh Tế, Hạ Tầng và Đô Thị huyện Củ Chi	Đào Thị Kim Cúc		17/01/1975	0297102365	7920HT00124	30/09/2025	08/2025	10/2034	9	2	51	3.33				87,428,484	
164	DR0036R	Huyện Ủy Cán Giờ	Võ Hoàng Tấn	16/08/1971		0296103857	7923HT00072	15/10/2025	07/2025	9/2033	8	2	39	4.98	0.25		9%	0.2	118,830,924
165	HT0037T	Trung Tâm Văn Hóa - Thể thao và Truyền thông huyện Nhà Bè	Trần Thanh Đạt	24/03/1973		0202139411	7923HT00080	18/10/2025	07/2025	4/2035	9	9	58	3.99	0.2			125,106,696	
166	DR0036R	Huyện Ủy Cán Giờ	Nguyễn Phước Hưng	17/10/1968		0296008236	7923HT00086	28/10/2025	07/2025	11/2030	5	4	5	4.98	0.8	10%		16,159,572	
Tổng 1																			
II. Cán bộ, công chức cấp xã																			
1	FA0013A	Ủy ban nhân dân - Phường Bến Thành	Nguyễn Thị Hải Lý		18/07/1974	0296079948	7901HT00306	15/10/2025	09/2025	12/2033	8	3	40	4.32				88,957,440	
2	FA0013A	Ủy ban nhân dân - Phường Bến Thành	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm		17/12/1973	0203236265	7901HT00304	15/10/2025	09/2025	1/2033	7	4	29	4.98				74,347,416	
3	FI0008I	UBND P. Phước Long B, TP. Thủ Đức	Trần Văn Rô	20/07/1968		0299017801	7903HT00008	02/10/2025	07/2025	8/2030	5	1	2	3.66	0.15			3,922,776	
4	FU0111U	UBND PHƯỜNG BÌNH TRƯNG	Nguyễn Văn Anh Tuấn	07/02/1973		0299084309	7903HT00025	08/10/2025	09/2025	3/2035	9	6	55	4.98				141,003,720	
5	FU0111U	UBND PHƯỜNG BÌNH TRƯNG	Ngô Thụy Tường Long	16/07/1973		0100036325	7903HT00049	11/10/2025	09/2025	8/2035	9	11	60	3.33				102,857,040	
6	DU0101U	ĐANG ỦY PHƯỜNG HIỆP BÌNH	Nguyễn Đình Cường	05/10/1970		0200031253	7903HT00059	14/10/2025	09/2025	11/2032	7	2	27	4.98	0.25	20%		86,538,910	
7	FU0107U	UBND PHƯỜNG PHƯỚC LONG	Lâm Kim Phương		12/11/1972	0205043644	7903HT00062	15/10/2025	09/2025	8/2031	5	11	12	3.33				20,571,408	
8	DU0105U	ĐANG ỦY PHƯỜNG LONG BÌNH	Nguyễn Hạnh Thảo		22/02/1974	0298015914	7903HT00076	21/10/2025	09/2025	7/2033	7	10	35	6.10			0.7	122,522,400	
9	FU0111U	UBND PHƯỜNG BÌNH TRƯNG	Nguyễn Thị Hồng Phương		12/01/1974	0202132688	7903HT00349	22/09/2025	09/2025	6/2033	7	9	34	4.58				80,164,656	
10	FB0009B	UBND Phường Thảo Điền	Phạm Thị Kim Thoa		10/05/1974	4702025497	7903HT00359	23/09/2025	07/2025	10/2033	8	3	40	4.65				95,752,800	
11	FU0104U	UBND PHƯỜNG LINH XUÂN	Bình Khánh	10/10/1972		0205020556	7903HT00363	23/09/2025	09/2025	11/2034	9	2	51	3.99				104,756,652	
12	DU0207U	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC PHƯỜNG PHƯỚC LONG	Đoàn Thị Kim Ngao		30/06/1972	7909306354	7903HT00372	24/09/2025	09/2025	11/2030	5	2	3	3.33	0.15			5,374,512	
13	DU0201U	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC PHƯỜNG HIỆP BÌNH	Nguyễn Ngọc Quế Phương		13/02/1974	0206070208	7903HT00373	24/09/2025	09/2025	7/2033	7	10	35	3.00			0.15	56,756,700	
14	FU0110U	UBND PHƯỜNG AN KHÁNH	Lê Văn Thanh	29/05/1970		0205041083	7903HT00375	24/09/2025	09/2025	6/2032	6	9	22	3.96				44,849,376	
15	FU0101U	UBND PHƯỜNG HIỆP BÌNH	Lê Thị Sen		13/05/1974	7908298772	7903HT00376	24/09/2025	09/2025	10/2033	8	1	38	3.99				78,053,976	
16	FU0112U	UBND PHƯỜNG CÁT LÀI	Lê Hùng Phi	26/06/1971		0203101584	7903HT00377	24/09/2025	09/2025	7/2033	7	10							

32	FL0034L	Ủy ban nhân dân phường Bình Quới	Phan Thị Kim Oanh		18/06/1972	0201040042	7906HT00456	29/09/2025	09/2025	11/2030	5	2	3		3.66						5,652,504
33	FL0031L	Ủy ban nhân dân phường Gia Định	Huỳnh Nhứt Thành		19/10/1974	0201022302	7906HT00501	14/10/2025	09/2025	7/2034	8	10	47		3.99						96,540,444
34	FL0034L	Ủy ban nhân dân phường Bình Quới	Nguyễn Thị Thanh Trúc		27/11/1974	0296066365	7906HT00510	16/10/2025	09/2025	8/2034	8	11	48		4.98				0.38		132,447,744
35	FL0034L	Ủy ban nhân dân phường Bình Quới	Lê Hoàng Mỹ	15/07/1969		0205103226	7906HT00514	17/10/2025	09/2025	8/2031	5	11	12		3.66						22,610,016
36	FL0033L	Ủy ban nhân dân phường Thanh Mỹ Tây	Nguyễn Thị Tâm		28/11/1973	0296115835	7906HT00519	21/10/2025	09/2025	12/2032	7	3	28		5.36						77,261,184
37	FL0033L	Ủy ban nhân dân phường Thanh Mỹ Tây	Trần Cẩm Chương	01/08/1970		0201022104	7906HT00526	22/10/2025	09/2025	9/2032	7	0	25		4.65						59,845,500
38	FO0014O	UBND Phường 14 Quận Tân Bình (cũ)	Hoàng Sơn Đạt	05/05/1970		0201040660	7907HT00227	29/09/2025	07/2025	6/2032	6	11	24		3.86						47,691,072
39	DV0010V	Đảng ủy phường Phú Thọ Hòa	Nguyễn Thị Bình		21/02/1973	0297027040	7908HT00149	24/09/2025	09/2025	11/2031	6	2	15		4.98		0.3				40,772,160
40	FN0019N	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu, TP.HCM	Nguyễn Thị Cẩm Vân		20/02/1973	0201014577	7909HT00090	27/09/2025	09/2025	11/2031	6	2	15		4.32						33,359,040
41	FN0019N	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu, TP.HCM	Lê Minh Yên		19/08/1975	0204059346	7909HT00092	27/09/2025	09/2025	9/2035	10	0	61		4.65						146,023,020
42	FN0023N	Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Phú Nhuận	Đoàn Thị Thủy Phương		23/07/1975	0206286560	7909HT00116	09/10/2025	09/2025	8/2035	9	11	60		3.66						113,050,080
43	FN0021N	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Phú Nhuận	Trần Công Quyền	05/06/1972		0204246925	7909HT00124	12/10/2025	09/2025	7/2034	8	10	47		4.32						104,524,992
44	FN0020N	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	Nguyễn Phi Long	20/10/1970		0206065804	7909HT00126	13/10/2025	09/2025	11/2032	7	2	27		3.66						50,872,536
45	FN0020N	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	Trần Bạch Ngọc	31/07/1973		0200042378	7909HT00127	13/10/2025	09/2025	8/2035	9	11	60		5.42		0.8				192,123,360
46	FN0020N	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	Tôn Thất Dũng	20/06/1971		0296207606	7909HT00128	14/10/2025	09/2025	7/2033	7	10	35		3.33						99,999,940
47	FC0018C	Ủy Ban Nhân Dân Phường Nhiều Lóc	Hoàng Nghĩa Việt	12/03/1969		0297039334	7911HT00261	08/10/2025	09/2025	4/2031	5	7	8		4.65						19,150,560
48	DC0012C	Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Phường Xuân Hòa	Nguyễn Bùi Ngọc Bích		16/01/1975	0203159228	7911HT00267	11/10/2025	09/2025	10/2034	9	1	50		4.65				0.2		124,839,000
49	FC0017C	Ủy Ban Nhân Dân Phường Bàn Cờ	Vũ Thị Thu Hằng		01/05/1973	0205038011	7911HT00281	16/10/2025	09/2025	6/2032	6	9	22		4.65						52,664,040
50	FC0018C	Ủy Ban Nhân Dân Phường Nhiều Lóc	Nguyễn Minh Lợi	26/03/1973		0201036068	7911HT00291	16/10/2025	09/2025	4/2035	9	7	56		4.65						134,053,920
51	FC0016C	Ủy Ban Nhân Dân Phường Xuân Hòa	Lê Ngọc Tiến	26/07/1969		0206310502	7911HT00334	30/10/2025	09/2025	8/2031	5	11	12		3.33						20,571,400
52	FJ0029J	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Phường Vườn Lài	Lư Ngọc Lợi	20/06/1972		0200060748	7912HT00135	22/09/2025	09/2025	7/2034	8	10	47		4.32						104,524,992
53	FJ0006J	UBND Phường 6 Quận 10	Nguyễn Ngọc Hùng	07/03/1970		0200060578	7912HT00137	22/09/2025	07/2025	4/2032	6	9	22		4.06			6%			48,740,852
54	FJ0017J	Văn phòng HDND và UBND Phường Vườn Lài	Võ Văn Tiến	20/10/1971		0296138381	7912HT00138	22/09/2025	09/2025	11/2033	8	2	39		5.76		0.4				123,675,552
55	FJ0028J	Phòng Văn hóa - Xã hội Phường Vườn Lài	Trần Hữu Hào	19/04/1970		0200060896	7912HT00139	22/09/2025	09/2025	5/2032	6	8	21		4.65						50,270,220
56	FJ0008J	UBND Phường 8 Quận 10	Lê Công Trúc	30/06/1970		0200060611	7912HT00168	30/09/2025	06/2025	7/2032	7	1	26		4.06			6%			57,602,825
57	FJ0028J	Phòng Văn hóa - Xã hội Phường Vườn Lài	Lưu Quốc Dũng	11/10/1972		0204207445	7912HT00187	13/10/2025	09/2025	11/2034	9	2	51		3.99						104,756,652
58	FJ0008J	UBND Phường 8 Quận 10	Lê Thị Tuyết Trang		23/02/1972	0204207170	7912HT00231	31/10/2025	06/2025	7/2030	5	1	2		4.32						4,447,872
59	FK0021K	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thới	Trần Hữu Phương	10/12/1972		0299071541	7913HT00117	22/09/2025	09/2025	1/2035	9	4	53		4.32						117,868,608
60	FK0023K	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	Phạm Thị Hoàng Phương		09/12/1973	0202080935	7913HT00142	02/10/2025	09/2025	1/2033	7	4	29		3.99						59,567,508
61	FK0024K	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	Trần Trọng Thái	03/10/1969		0296055539	7913HT00143	02/10/2025	09/2025	11/2031	6	2	15		4.32			7%			41,147,449
62	FK0024K	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	Phạm Thu Trang		25/06/1975	0203316728	7913HT00148	02/10/2025	09/2025	7/2035	9	10	59		4.98						151,258,536
63	FK0022K	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	Huỳnh Tấn Tài	01/03/1973		0204344348	7913HT00150	03/10/2025	09/2025	4/2035	9	7	56		4.32				0.2		130,306,176
64	FK0023K	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	Phạm Thị Nhung		15/01/1974	0299071479	7913HT00151	03/10/2025	09/2025	6/2033	7	9	34		4.32						75,613,824
65	FK0022K	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	Dương Hồng Nga		04/07/1975	0299071709	7913HT00167	17/10/2025	09/2025	8/2035	9	11	60		4.98						153,822,240
66	FK0024K	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	Hoàng Thị Mai Hằng		17/07/1974	0299071463	7913HT00192	31/10/2025	09/2025	12/2033	8	3	40		4.65						95,752,800
67	SD0071D	Trung tâm Cung ứng dịch vụ Văn hóa - Thể thao phường Khánh Hội	Nguyễn Quốc Thiện	07/06/1969		0296021068	7914HT00087	02/10/2025	09/2025	7/2031	5	10	11		5.76				0.25		34,033,428
68	FD0020D	UBND phường Khánh Hội	Truyền Thị Ngọc Mỹ		11/06/1974	0299024338	7914HT00090	02/10/2025	09/2025	11/2033	8	2	39		4.98			6%			105,983,523
69	FD0021D	UBND phường Vĩnh Hội	Trần Đức Kiên	08/11/1969		0201115014	7914HT00096	08/10/2025	09/2025	12/2031	6	3	16		4.98			8%		0.4	47,595,525
70	FD0021D	UBND phường Vĩnh Hội	Nguyễn Thị Hồng Oanh		18/03/1975	0299024355	7914HT00097	08/10/2025	09/2025	12/2034	9	3	52		4.98					0.4	144,020,448
71	DD0009D	Đảng ủy phường Xóm Chiếu	Bùi Ngọc Diệp		04/03/1973	7910129182	7914HT00122	16/10/2025	09/2025	12/2031	6	3	16		3.33		0.25				29,487,744
72	FE0022E	VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHO QUẬN	Nguyễn Thị Ngọc Hằng		22/10/1973	0298039502	7915HT00022	13/10/2025	09/2025	11/2032	7	2	27		4.98						69,220,008
73	FE0021E	VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHO LỚN	Hoàng Thị Hà		12/12/1972	7908109421	7915HT00175	24/09/2025	09/2025	9/2031	6	0	13		3.66						24,494,184
74	FF0019F	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Phú Lâm	Trần Thị Thanh Bình		19/01/1973	0296035614	7916HT00103	23/09/2025	09/2025	10/2031	6	1	14		4.98			6%			38,045,367
75	FF0018F	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	Phạm Hồng Long	12/08/1968		7910020990	7916HT00105	23/09/2025	09/2025	9/2030	5	0	1		3.26						1,678,248
76	SF0090F	Trung tâm Cung ứng dịch vụ văn hóa – thể thao phường Phú Lâm	Lê Minh Ngọc	20/05/1969		0206026374	7916HT00107	23/09/2025	09/2025	6/2031	5	9	10		4.32						22,239,360
77	SF0002F	Ban Quản lý Chợ phường Bình Tây	Lê Hoàng Đình	04/09/1968		0299004586	7916HT00148	03/10/2025	09/2025	10/2030	5	1	2		4.98			6%			5,435,052
78	SF0090F	Trung tâm Cung ứng dịch vụ văn hóa - thể thao phường Phú Lâm	Phan Tấn Trúc	06/07/1970		0202108401	7916HT00159	07/10/2025	09/2025	8/2032	6	11	24		4.65						57,451,680
79	FH0022H	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	Nguyễn Minh Trọng	29/11/1970		0299027014	7917HT00149	23/09/2025	09/2025	12/2032	7	3	28		4.65				0.25		70,630,560
80	FH0029H	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Phường Phú Định	Nguyễn Minh Khôi	15/03/1973		0203010825	7917HT00150	23/09/2025	09/2025	4/2035	9	7	56		4.06						117,044,928
81	FH0030H	Phòng Văn hóa - Xã hội Phường Phú Định	Huỳnh Thanh Sơn	15/12/1970		0202149530	7917HT00157	25/09/2025	09/2025	1/2033	7	4	29		4.98						74,347,416
82	DH0019H	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phường Bình Đông	Phí Văn Thịnh	21/10/1971		0206033489	7917HT00166	26/09/2025	09/2025	11/2033	8	2	39		3.33				0.2		70,872,516
83	FH0026H	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Phường Bình Đông	Nguyễn Thị Thu Thắng		25/08/1974	0200023752	7917HT00169	27/09/2025	09/2025	1/2034	8	4	41		4.65						98,146,620
84	FH0028H	Trung tâm Phục vụ hành chính công Phường Bình Đông	Phạm Ngọc Hoa		26/06/1975	0297041219	7917HT00209	21/10/2025	09/2025	7/2035	9	10	59		4.89						148,524,948
85	FH0023H	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Phường Chánh Hưng	Dương Thị Chuyển		18/10/1974	0297000349	7917HT00222	30/10/2025	09/2025	7/2034	8	10	47		4.98			7%			128,928,674
86	HY0004Y	Ủy ban nhân dân phường An Lạc, Q.Bình Tân	Lê Thị Kim Loan		02/04/1973	0200112475	7918HT00148	03/10/2025	07/2025	1/2032	6	6	19		4.32		0.25				44,700,084
87	FY0010Y	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc A, quận Bình Tân	Lâm Bửu Liêm	13/01/1972		0201077113	7918HT00150	06/10/2025	07/2025	2/2034	8	7	44		3.99						90,378,288
88	HY0022Y	Ủy ban nhân dân phường An Lạc, Q.Bình Tân	Trần Thị Kiều Trang		02/03/1972	0205034046	7918HT00172	09/10/2025	07/2025	8/2030	5	1	2		5,800,000						2,552,000
89	FY0016Y	Phòng Văn Hóa - Xã hội phường Bình Tân	Trương Công Dũng	27/09/1971		0204259921	7918HT00180	10/10/2025	08/2025	10/2033	8	2	39		3.99						80,108,028
90	FY0016Y	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Bình Tân	Nguyễn Văn Dương	06/06/1971		0205024782	7918HT00233	16/10/2025	08/2025	7/2033	7	11	36		3.33						61,714,224
91	FY0010Y	Ủy ban nhân dân phường An Lạc A, quận Bình Tân	Trang Thị Hòa Hợp		06/04/1975	0296097657	7918HT00242	30/10/2025	07/2025	1/2035	9	6	55		4.98		0.25				148,082,220
92	FG0004G	UBND Phường Tân Hưng, Quận 7	Lâm Bảo Hùng	10/08/1971		0296336790	7919HT00178	26/09/2025	07/2025	9/2033	8	2	39		4.98						99,984,456
93	FQ0076Q	Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông																			

101	FSCU71S	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ Văn Hóa- Thể thao xã Hóc Môn	Trần Thị Bé Đề		20/08/1973	0201003054	7921HT00160	29/10/2025	09/2025	9/2032	7	0	25	3.00				38,610,000
102	FP0011P	Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh	Nguyễn Hồng Sánh	26/06/1968		0201005547	7922HT00111	25/09/2025	07/2025	7/2030	5	0	1	4.98	0.15	10%		2,897,294
103	FP0015P	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Hưng Long	Nguyễn Thanh Liêm	08/10/1968		0296094209	7922HT00118	29/09/2025	09/2025	11/2030	5	2	3	4.98			0.2	7,999,992
104	FP0015P	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Hưng Long	Nguyễn Thanh Hùng	24/05/1970		0296094395	7922HT00119	29/09/2025	09/2025	6/2032	6	9	22	4.98		7%	0.3	63,747,272
105	FP0001P	Ủy Ban Nhân Dân Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh	Phạm Văn Hùng	07/09/1970		0200084967	7922HT00122	03/10/2025	07/2025	10/2032	7	3	28	4.65	0.3			71,351,280
106	FP0015P	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Hưng Long	Vô Thái Sơn	16/08/1968		0201143823	7922HT00125	07/10/2025	09/2025	9/2030	5	0	1	4.98				2,563,704
107	FR0018R	Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh	Nguyễn Duy Hào	15/03/1970		0207155899	7923HT00071	15/10/2025	09/2025	4/2032	6	7	20	3.46				35,624,160
108	DR0045R	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Cần Giuộc	Hồ Văn Chính	15/10/1969		0201077160	7923HT00075	15/10/2025	08/2025	11/2031	6	3	16	4.89	0.15			41,513,472
109	DR0045R	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Cần Giuộc	Lê Ngọc Sơn	28/08/1971		0297040047	7923HT00076	15/10/2025	08/2025	9/2033	8	1	38	4.98	0.2	18%		118,868,967
110	FR0006R	UBND Xã Lý Nhơn, Huyện Cần Giuộc	Trần Văn Mót	06/05/1969		7933301726	7923HT00082	24/10/2025	07/2025	6/2031	5	11	12	3.99	0.2			25,884,144
111	FR0006R	UBND Xã Lý Nhơn, Huyện Cần Giuộc	Nguyễn Văn Tốt	02/03/1971		0297040046	7924HT00054	22/09/2025	07/2025	4/2033	7	9	34	4.98	0.3	23%		112,465,061
112	FR0008R	Ủy ban nhân dân xã Cần Giuộc	Hoàng Văn Trực	12/01/1973		0203097697	7924HT00058	28/09/2025	09/2025	2/2035	9	5	54	4,410,000				52,390,800
113	FR0008R	Ủy ban nhân dân xã Cần Giuộc	Vô Văn Huyền	07/08/1972		0204270842	7924HT00059	28/09/2025	09/2025	9/2034	9	0	49	4,410,000				47,539,800
114	FR0007R	UBND Xã An Thới Đông, Huyện Cần Giuộc	Trần Văn Công	20/08/1970		0201077214	7924HT00060	28/09/2025	07/2025	9/2032	7	2	27	4.32	0.15			62,131,212
115	FU0103U	UBND PHƯỜNG THỦ ĐỨC	Phan Văn Đình	10/07/1973		7908508895	7925HT00002	10/10/2025	09/2025	8/2035	9	11	60	3.66				113,050,080
116	SU0129U	Trung tâm Cung ứng dịch vụ Văn hóa - Thể thao phường Bình Trưng	Nguyễn Công Tân	06/01/1970		7908231044	7925HT00017	14/10/2025	09/2025	2/2032	6	5	18	5.307.200				21,016,512
117	FU0112U	UBND PHƯỜNG CÁT LÁI	Nguyễn Thị Nhài		13/01/1973	0298016420	7925HT00032	22/10/2025	09/2025	10/2031	6	1	14	4.32	0.4			34,017,984
118	FC0008C	UBND Xã Phú An - Bến Cát, Bình Dương	Nguyễn Minh Tuấn	31/07/1972		4396033868	7931HT00036	06/10/2025	07/2025	8/2034	9	1	50	5.76	0.3			155,984,400
119	FC0003C	UBND Phường Thới Hòa - Bến Cát, Bình Dương	Phạm Văn Đình	30/11/1968		9100037361	7931HT00041	13/10/2025	07/2025	12/2030	5	5	6	3.99	0.25			13,096,512
120	DD0202D	Văn phòng Đảng ủy xã Phước Thành (ND 178)	Hoàng Quốc Việt	23/08/1973		9100037239	7935HT00043	24/09/2025	09/2025	9/2035	10	0	61	4.98	0.25			164,236,644
121	DE0005E	VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY PHƯỜNG TÂN UYÊN	Lê Thanh Lưu	30/09/1968		4396015095	7932HT00292	08/10/2025	09/2025	10/2030	5	1	2	4.98	0.3	15%		6,205,399
122	FE0011E	UBND Phường Hội Nghĩa, TP.Tân Uyên	Nguyễn Phước Hải	05/06/1969		9100037848	7932HT00297	14/10/2025	07/2025	7/2031	6	0	13	3.66	0.2			25,832,664
123	FG0010G	UBND Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An	Nguyễn Văn Tĩnh	12/08/1971		9100037578	7933HT00074	07/10/2025	07/2025	9/2033	8	2	39	3.66	0.2			77,497,992
124	FG0018G	PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI PHƯỜNG BÌNH HÒA	Ngô Trọng Nghĩa	22/12/1971		9106015243	7933HT00083	14/10/2025	09/2025	1/2034	8	4	41	4.32	0.3			97,513,416
125	FG0013G	PHÒNG KINH TẾ, HẠ TÀNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG THUẬN AN	Nguyễn Thái Xuân Loan		07/09/1972	9104084343	7933HT00084	17/10/2025	09/2025	6/2031	5	9	10	4.65				23,938,200
126	DI0001I	Ủy Ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Thường Tân - Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Đậu	26/02/1969		7409072038	7934HT00032	07/10/2025	09/2025	3/2031	5	6	7	3.99	0.15			14,918,904
127	DD0201D	Văn Phòng Đảng Ủy xã An Long (ND 178)	Phạm Văn Trọng	15/02/1970		9100037203	7934HT00043	21/10/2025	09/2025	3/2032	6	6	19	3.99	0.25			41,472,288
128	FD0201D	Phòng Kinh tế xã An Long (ND 178)	Đinh Văn Kỳ	02/02/1970		9104117589	7934HT00045	21/10/2025	09/2025	3/2032	6	6	19	3.99				39,026,988
129	DD0201D	Văn Phòng Đảng Ủy xã An Long (ND 178)	Nguyễn Văn Tiến	22/01/1972		9104117601	7934HT00047	21/10/2025	09/2025	2/2034	8	5	42	3.99	0.2			90,594,504
130	DA0007A	Văn phòng Đảng ủy xã Long Sơn	Nguyễn Thị Thâm		07/02/1975	5196034431	7701HT0591	02/10/2025	09/2025	11/2034	9	2	51	4.65				122,084,820
131	DA0003A	Văn phòng Đảng ủy Phường Rạch Dừa	Giang Phương Thảo		08/03/1975	7709030539	7701HT0596	02/10/2025	09/2025	12/2034	9	3	52	4.65	0.3			132,509,520
132	FA0020A	UBND Phường Rạch Dừa	Trần Văn Triu	22/08/1973		5101005898	7701HT0598	06/10/2025	09/2025	9/2035	10	0	61	4.32	0.25			143,510,796
133	FA0019A	UBND Phường Tam Thắng	Hồ Văn Tú	14/08/1973		5196042176	7701HT0629	23/10/2025	09/2025	9/2035	10	0	61	4.65				146,023,020
134	FE0006E	UBND Xã Phước Hưng, Huyện Long Đất	Lê Tiến Thọ	29/04/1970		7709000335	7704HT00007	15/10/2025	07/2025	5/2032	6	10	23	3.66	0.2			45,703,944
135	FG0011G	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc UBND phường Phú Mỹ	Lê Văn Khương	21/10/1970		5101004149	7707HT00002	07/10/2025	09/2025	11/2032	7	2	27	3.66	0.2			53,652,456
136	NQT0000	UBND Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức	Trần Đức	01/11/1968		5107008872	7707HT00014	22/10/2025	07/2025	12/2030	5	5	6	3.33				10,285,704
137	FG0001G	UBND Phường Hắc Dịch, Huyện Châu Đức	Bùi Văn Trường	28/09/1972		7710037884	7707HT00022	29/10/2025	07/2025	10/2034	9	3	52	3.33	0.15			93,158,208
138	FG0004G	UBND phường Phú Mỹ, TP. Phú Mỹ	Trần Quốc Hoàn	06/04/1973		7709017593	7707HT00079	23/09/2025	07/2025	5/2035	9	10	59	3.33	0.2			107,217,396
139	FZ0011Z	Văn phòng HĐND - UBND Phường Phú An	Nguyễn Tấn Thắng	07/01/1970		9104117946	7929HT00002	06/10/2025	09/2025	2/2032	6	5	18	3.99				36,972,936
140	FZ0008Z	PHÒNG VĂN HÓA- XÃ HỘI PHƯỜNG CHÁNH HIỆP	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		04/02/1974	9104058185	7929HT00020	09/10/2025	09/2025	7/2033	7	10	35	4.32				77,837,760
141	DZ0003Z	VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY PHƯỜNG PHÚ AN	Nguyễn Ngọc Yến		25/07/1975	9200001115	7929HT00034	16/10/2025	09/2025	8/2035	9	11	60	4.98				153,822,240
142	FB0001B	UBND Xã Hòa Long, TP. Bà Rịa	Bùi Văn Non	01/04/1970		5102000217	7709HT00099	31/10/2025	07/2025	5/2032	6	10	23	3.66	0.2			45,703,944
Tổng II																		10,365,164,958
Tổng I + II																		22,274,277,543

Ghi chú:

1./ Trường hợp tiền lương đóng BHXH bắt buộc tại Cột 15 bằng tiền thì cột 20 bằng cột 14*22%*cột 15.

2./ Trường hợp tiền lương đóng BHXH bắt buộc tại Cột 15 bằng hệ số thì Cột 20 bằng: Cột 14*22%*(Cột 15 + Cột 16 + (Cột 17*Cột 15) + (Cột 18*(Cột 15 + Cột 16 + (Cột 15*Cột 16) + Cột 19)) + Cột 19).

3./ Cột 16 và Cột 17 đơn vị là tỷ lệ %.

NGƯỜI LẬP BIỂU

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tổng Văn Tùng

Trần Dũng Hà